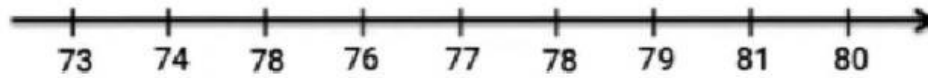


ĐỀ ÔN VIOEDU CẤP HUYỆN LỚP 2

NĂM 2022 – 2023

Câu 1. Bạn hãy chọn đáp án đúng

Cho hình vẽ sau



Biết số 73 điền đúng vị trí. Hỏi trong hình trên , có bao nhiêu số điền sai vị trí?

- A. 2 B. 4 C. 1 D. 3

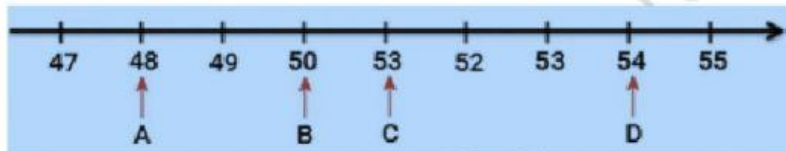
Câu 2. Bạn hãy chọn đáp án đúng

Trên tia số , số ở giữa vị trí 77 và 79 là số nào dưới đây?

- A. 78 B. 76 C. 80 D. 77

Câu 3. Bạn hãy chọn đáp án đúng

Cho hình vẽ sau



Số 47 điền đúng vị trí . Hỏi trong các số ở vị trí A,B,C,D , số vị trí nào viết không đúng ?

- A. Vị trí B B. Vị trí A C. Vị trí D D. Vị trí C

Câu 4. Bạn hãy chọn đáp án đúng

Trong các nhận xét sau, nhận xét nào đúng ?

- A. Trên tia số , số đứng trước bằng số đứng sau
B. Trên tia số , số đứng trước lớn hơn số đứng sau
C. Trên tia số , số đứng trước bé hơn số đứng sau

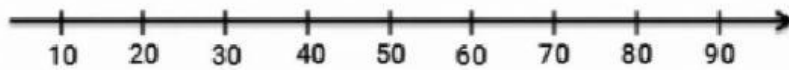
Câu 5. Bạn hãy chọn đáp án đúng

Mình có 24 chiếc kẹo. Số chiếc kẹo của Nam là số liền sau số chiếc kẹo của Minh. Khi đó , cả hai bạn có tất cả số chiếc kẹo là

- A. 51 chiếc kẹo B. 47 chiếc kẹo
C. 49 chiếc kẹo D. 45 chiếc kẹo

Câu 6. Bạn hãy chọn đáp án đúng

Cho tia số như sau



Dựa vào tia số trên hãy chọn khẳng định sai trong các khẳng định sau?

- A. Số tròn chục liền sau số 60 là 70
- B. Số tròn chục ở giữa số 20 và số 40 là 50
- C. Có 3 số tròn chục lớn hơn 30 và nhỏ hơn 70
- D. Số tròn chục liền trước số 50 là 40

Câu 7. Điền số thích hợp vào chỗ trống

Nam nghĩ một số có hai chữ số và đồ Linh đoán xem đó là số nào. Biết rằng nếu cộng 3 vào chữ số hàng chục và giữ nguyên hàng đơn vị thì ta được số liền trước của 69

Vậy số cần tìm gồm ... chục và ... đơn vị

Câu 8. Điền vào chỗ chấm

Nếu lấy số liền trước của 42 cộng với số liền sau của 42 ta được kết quả là ...

Câu 9. Kết quả của phép tính $60 + 6$ có số liền sau là ...

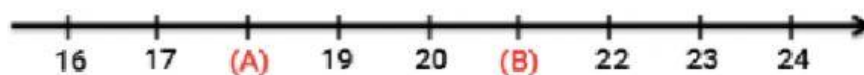
Câu 10. Số liền sau của phép tính $81 + 8$ là ...

Câu 11. Điền số thích hợp vào chỗ chấm

...  80

Số liền trước của 80 là...

Câu 12. Cho tia số như hình sau



Số thích hợp điền vào vị trí A, B lần lượt là ... và ...

Câu 13. Trong các khẳng định dưới đây, khẳng định nào đúng

A. Số liền sau của số 42 là số 50

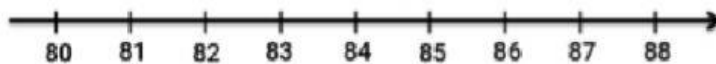
B. Số liền sau của số 42 là số 43

C. Số liền sau của số 42 là số 41

D. Số liền sau của số 42 là số 40

Câu 14. Hãy chọn tất cả các đáp án đúng

Cho tia số



Trong các phép so sánh sau, phép so sánh nào đúng

A. $87 > 86$

B. $81 > 82$

C. $87 < 86$

D. $81 < 82$

Câu 15. Nếu lấy số 15 cộng với số ở giữa 25 và số 27 trên tia số ta được kết quả là...

Câu 16. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

Kết quả của phép trừ $48 - 3$ là ...

$$48 - 3 = ?$$

Câu 17. Cho các phép tính sau $96 - 31$; $74 - 13$; $85 - 23$

Hãy sắp xếp các phép tính trên theo thứ tự kết quả phép tính tăng dần?

$$74 - 13$$

$$96 - 31$$

$$85 - 23$$

Câu 18. Chọn đáp án đúng điền vào chỗ chấm.

Tìm hiệu biết số bị trừ là số liền trước của 46 và số trừ là 12

Câu 19. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

$$47-25$$

Kết quả của phép tính $47 - 25$ được gọi là gì?

- A. Số bị trừ B. Không có tên gọi
C. Hiệu D. Số trừ

Câu 20. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Phép tính $39 - 15$ có kết quả là số có số hàng chục là:

- A. 5 B. 4
C. 2 D. 6

Câu 21. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

$$66-22=44$$

Số 22 trong phép tính $66 - 22 = 44$ được gọi là:

- A. Số trừ B. Hiệu
C. Không được gọi tên D. Số bị trừ

Câu 22. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

$$88-20-10=??$$

Thực hiện phép tính $88 - 20 - 10$ ta được kết quả là

- A. 58. B. 47. C. 30. D. 10.

Câu 23. Hãy kéo các đáp án vào ô trống để được khẳng định đúng.

Số trừ trong phép tính $4 - 3 = 1$ là	↔		Danh sách đáp án 4 5 2 3
Số bị trừ trong phép tính $4 - 3 = 1$ là	↔		
Hiệu trong phép tính $5 - 3 = 2$ là	↔		

Câu 24. Đúng ghi 1 sai ghi là 0 cho các khẳng định sau:

$99 - 44 = 45$ ☐

$99 - 44 = 55$ ☐

Câu 25. Điền số thích hợp vào ô trống.

Hiệu của số liền trước 45 và 14 là



Câu 26. Bạn hãy chọn đáp án đúng:

Một phép toán trừ mà số bị trừ và hiệu bằng nhau thì số trừ bằng bao nhiêu?

A. Bằng số bị trừ và hiệu B. 0

C. Không có số nào thỏa mãn D. 1

Câu 27. Điền số thích hợp vào ô trống.

Đúng ghi 1, sai ghi 0 cho các phép tính sau:

$67 - 21 = 36$

$45 - 23 = 22$

$99 - 44 = 55$

Câu 28. Điền số thích hợp vào ô trống.



Trả lời: Có tất cả ... số.

Câu 29. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Cho các phép tính sau: $48 - 21$; $57 - 33$; $66 - 35$.

Kết quả lớn nhất thu được trong 3 phép tính trên là ...

Câu 30. Điền số thích hợp vào ô trống.

Hiệu của phép trừ có số bị trừ là 9, số trừ là số chẵn nhỏ nhất khác 0 là

Câu 31. Chọn đáp án đúng để điền vào ô trống:

Một cửa hàng hoa ngày thứ nhất bán được số hoa hồng bằng tổng của hai chữ số của số lớn nhất có hai chữ số. Ngày thứ hai bán được nhiều hơn ngày thứ nhất 27 bông hoa hồng. Số hoa hồng bán được trong hai ngày là ... (63, 45, 52) bông.

Câu 32. Bạn hãy kéo đáp án vào chỗ trống để có lời giải đúng cho bài toán sau:

Bài toán có tóm tắt sau:

Thùy có: 17 nhãn vở.

Nam có nhiều hơn Thùy: 9 nhãn vở.

Tổng số nhãn vở của Thùy và Nam: ... nhãn vở.

Nam có số nhãn vở là	$17 + 9 = 26$ (nhãn vở)
Tổng số nhãn vở của Thùy và Nam là	$26 + 17 = 43$ (nhãn vở)

Câu 33. Một cửa hàng sau khi bán 18 quả lê và 8 quả đào thì còn lại 38 quả táo, 24 quả lê và 33 quả đào. Hãy sắp xếp tên loại quả theo thứ tự tăng dần số quả lúc cửa hàng chưa bán.

Lê.
Đào.
Táo.

Câu 34. Điền số thích hợp vào ô trống:

Tổng của bốn số liên tiếp mà trong đó số bé nhất là 11 là

Câu 35. Chọn đáp án đúng.

$$26 \square 16 \square 2 = 40$$

Dấu thích hợp điền vào ô trống từ trái qua phải lần lượt là

A.+,+

B.-,+

C.+,-

Câu 36. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho các tổng sau: $16 + 54$; $27 + 42$; $38 + 42$; $17 + 53$.

Trong các tổng trên, có bao nhiêu tổng có kết quả bằng 70?

A.2.

B.4.

C.3.

D.1.

Câu 37. Ba bạn Bắc, Thu, Đông chơi nhảy dây. Bắc nhảy được 37 cái.

Thu nhảy được 45 cái. Đông nhảy được 17 cái. Tổng ba bạn nhảy được ...cái.

Câu 38. Điền số thích hợp vào ô trống.

Trong đợt thi đua chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam, tổ Một đạt được 17 điểm mười. Tổ Hai đạt được 19 điểm mười. Hỏi cả 2 tổ đạt được tất cả bao nhiêu điểm mười?

Trả lời:điểm mười.

Câu 39. Bạn Bắc có 37 quyển sách. Nhân ngày sinh nhật Bắc được bố tặng cho 29 quyển sách. Tổng số sách bạn Bắc có làquyển.

Câu 40. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Mảnh vải màu xanh dài 75cm. Mảnh vải màu đỏ 15cm. Hỏi cả hai mảnh vải dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

A.80cm.

B.90cm.

C.70cm.

Câu 41. Điền số thích hợp vào ô trống.

Một đàn gà được chia vào 2 chuồng giống nhau, mỗi chuồng 38 con. Hỏi đàn gà có tất cả bao nhiêu con?

Trả lời:con.

Câu 42. Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 48kg đường. Ngày thứ hai cửa hàng đó bán được 39kg đường. Hỏi cả hai ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường?

Trả lời:....kg.

Câu 43. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

Kết quả của phép tính cộng 78 với 9 là ...

Câu 43. Điền số thích hợp vào chỗ trống.
Kết quả của phép tính cộng 78 với 9 là ...

Câu 44. Điền số thích hợp vào chỗ trống.
Tổng của 27 và 36 bằng

$$27 + 36 = ?$$

Câu 45. Chọn đáp án đúng.
Phép tính dưới đây có kết quả bằng ...

$$36 + 36 - 22$$

Câu 46. Bạn hãy chọn đáp án đúng.
Cho các phép tính trong hình sau:



Trong các phép tính đã cho, hai phép tính nào có kết quả bằng nhau?

- A. $44 - 29$ và $71 - 56$. B. $71 - 56$ và $28 + 23$.
C. $44 - 29$ và $28 + 23$. D. $71 - 56$ và $11 + 19$.

Câu 47. Bạn hãy chọn đáp án đúng.
Hai phép tính nào dưới đây có cùng kết quả?

- A. $47 + 8$ và $55 - 19$. B. $28 + 58$ và $91 - 5$.
C. $55 - 19$ và $91 - 5$. D. $28 + 58$ và $55 - 19$.

Câu 48. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Cho hình sau:



Kết quả của phép tính $80 - 49 + 15$ là số được ghi ở quả bóng màu gì?

A. Màu hồng. B. Màu xanh. C. Màu vàng.

Câu 49 Điền số thích hợp vào chỗ trống.

Cho các số 24; 35; 59 và các dấu $-$, $=$.

Có thể lập được nhiều nhất phép tính đúng. (Mỗi số và dấu chỉ được sử dụng một lần)

Câu 50. Bạn hãy chọn đáp án đúng:

Cho phép tính sau.

$$17 \quad \square \quad 9 \quad \square \quad 16 \quad \square \quad 8$$

Trong các cách điền dấu sau, các dấu được điền lần lượt vào ô trống theo

thứ tự từ trái sang phải để được phép tính đúng là:

A. $-$, $=$, $-$ B. $-$, $+$, $=$ C. $+$, $-$, $=$ D. $+$, $=$, $+$